

Số: 852/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực thi hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 113/TTr-STP ngày 30/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh và UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành trong năm 2016; Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh và UBND tỉnh có liên quan đến phí, lệ phí hết hiệu lực thi hành (có các Danh mục văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC (Tỉnh ủy);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBKT, các Ban, Văn phòng - Tỉnh ủy;
- Các Ban, Văn phòng - HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁;
- Gửi:
 - + Bán giấy: TP không nhận bản ĐT;
 - Sở Tư pháp;
 - + Điện tử: Các thành phần còn lại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH TRONG NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|--|---|--|-------------------|
| I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | | | | | |
| 1. | Nghị quyết | Số 56/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 | V/v thông qua Đề án “bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị Hà Tĩnh năm 2017 - 2018 | 31/12/2016 |
| 2. | Nghị quyết | Số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 | V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới | Thời hạn áp dụng văn bản đã hết (quy định tại Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh) | 31/12/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-------------------|
| 3. | Nghị quyết | Số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 | V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới | Thời hạn áp dụng quy định trong văn bản đã hết | 31/12/2016 |
| 4. | Quyết định | Số 28/2011/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 | V/v ban hành Quy định một số nội dung về công tác phòng, chống - giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định một số nội dung về công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh | 26/6/2016 |
| 5. | Quyết định | Số 30/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 | V/v ban hành Quy định quản lý giết mổ, kinh doanh, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định quản lý giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm của gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh | 26/11/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-------------------|
| 6. | Quyết định | Số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 | V/v ban hành Quy định thực hiện một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới | Được thay thế bởi Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới | 27/3/2016 |
| 7. | Quyết định | Số 07/2015/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 | V/v điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quy định quản lý giết mổ, kinh doanh, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định quản lý giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm của gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh | 26/11/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|------------------------------|------------------|--|--|--|-------------------|
| 8. | Quyết định | Số 09/2016/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 | V/v ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới | Thời hạn áp dụng quy định tại văn bản được quy định chi tiết là Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 và Nghị quyết số 157/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh đã hết. | 31/12/2016 |
| II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG | | | | | |
| 9. | Quyết định | Số 19/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 | V/v ban hành Quy định một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh | 07/5/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-------------------|
| 10. | Quyết định | Số 39/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 | V/v ban hành Quy định một số nội dung về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh. | 31/10/2016 |
| 11. | Quyết định | Số 02/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 | V/v ban hành bộ “Đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã; tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ; cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản” khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành bộ “Đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã; tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ; cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản” khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh | 17/01/2016 |

III. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

| | | | | | |
|-----|------------|-----------------------------------|--|--|------------|
| 12. | Nghị quyết | Số 53/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 | V/v thông qua Đề án phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị Hà Tĩnh năm 2017 - 2018 | 31/12/2016 |
| 13. | Nghị quyết | Số 91/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 | V/v ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu sản xuất trong tỉnh đến năm 2020 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị Hà Tĩnh năm 2017 - 2018 | 31/12/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-------------------|
| 14. | Quyết định | Số 38/2011/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 | V/v ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Do ngày 31/10/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh kèm theo Quyết định số 3057/QĐ-UBND | 30/10/2016 |
| 15. | Quyết định | Số 37/2013/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 | V/v ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Căn cứ pháp lý cho việc ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành (Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) | 31/12/2016 |
| 16. | Quyết định | Số 62/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 | V/v ban hành Quy định một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 91/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 V/v ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu sản xuất trong tỉnh đến năm 2020 | Văn bản được quy định chi tiết là Nghị quyết số 91/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh V/v ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị Hà Tĩnh năm 2017 - 2018 | 31/12/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|--|--|--|-------------------|
| 17. | Quyết định | Số 35/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 | V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 V/v ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Căn cứ pháp lý cho việc ban hành văn bản hết hiệu lực thi hành (Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) | 31/12/2016 |
| 18. | Quyết định | Số 28/2016/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 | V/v ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 21/9/2016 |
| IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI | | | | | |
| 19. | Quyết định | Số 63/2012/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 | V/v ban hành Quy chế cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 15/6/2016 |
| V. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | | | | | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-------------------------------|------------------|--|---|---|-------------------|
| 20. | Quyết định | Số 06/2007/QĐ-UBND ngày 31/01/2007 | V/v tổ chức hoạt động điểm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh | Được thay thế bởi Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 13/7/2016 |
| VI. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH | | | | | |
| 21. | Nghị quyết | Số 136/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 | V/v phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2011 - 2015; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 | Thời hạn áp dụng quy định trong văn bản đã hết | 31/12/2016 |
| 22. | Nghị quyết | Số 72/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 | V/v điều chỉnh, bổ sung tỷ lệ % phân chia một số khoản thu tại Nghị quyết số 136/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV | Thời hạn áp dụng quy định trong văn bản đã hết | 31/12/2016 |
| 23. | Quyết định | Số 11/2016/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 | V/v ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 | Các nhiệm vụ thực hiện tại Quyết định đã hoàn thành | 31/12/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---------------------------------------|------------------|--|--|--|-------------------|
| VII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC - CÁN BỘ | | | | | |
| 24. | Quyết định | Số 23/2008/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 | V/v định mức phụ cấp hàng tháng cho lực lượng bảo vệ dân phố tại thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh V/v quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ | 24/01/2016 |
| 25. | Quyết định | Số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 | V/v ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ | Được thay thế bởi Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ | 30/3/2016 |
| 26. | Quyết định | Số 04/2012/QĐ-UBND ngày 24/02/2012 | V/v ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và đảm bảo trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng về đảm bảo trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 26/6/2016 |
| 27. | Quyết định | Số 29/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 | V/v điều chỉnh mức phụ cấp đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố | Được thay thế bởi Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh V/v quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ | 24/01/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|--|--|---|-------------------|
| VIII. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI | | | | | |
| 28. | Quyết định | Số 61/2014/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 | V/v ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 13/8/2016 |
| IX. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH, TƯ PHÁP, THANH TRA | | | | | |
| 29. | Quyết định | Số 14/2007/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 | V/v ban hành Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND năm 2004 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 | 30/6/2016 |
| 30. | Quyết định | Số 2663/2007/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 | V/v ủy quyền phê duyệt lĩnh vực và thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại các cơ quan hành chính Nhà nước | Được thay thế bởi Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 29/6/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-------------------|
| 31. | Quyết định | Số 44/2007/QĐ-UBND ngày 23/10/2007 | V/v quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực đất đai, lao động, thương binh và xã hội tại UBND xã, phường, thị trấn | Được thay thế bởi Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 29/6/2016 |
| 32. | Quyết định | Số 21/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 | V/v ban hành Quy chế tổ chức tiếp công dân, xử lý đơn thư một đầu mối ở mỗi cấp hành chính | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh | 25/01/2016 |
| 33. | Quyết định | Số 22/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 | V/v ban hành quy trình giải quyết khiếu nại hành chính | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh | 25/01/2016 |
| 34. | Quyết định | Số 25/2011/QĐ-UBND ngày 24/8/2011 | V/v ban hành Quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về kiểm tra và xử lý văn bản QPPL và số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | 30/6/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---|------------------|--|--|---|-------------------|
| 35. | Quyết định | Số 31/2011/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 | V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 14/2007/QĐ-UBND ngày 20/4/2007 V/v ban hành Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND năm 2004 hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL | 30/6/2016 |
| 36. | Quyết định | Số 54/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 | V/v ban hành Quy định việc ghi chép, thống kê, xây dựng hồ sơ, báo cáo về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh | 25/01/2016 |
| X. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | | | | | |
| 37. | Quyết định | Số 59/2014/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 | V/v quy định giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 09/01/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|--|--|--|-------------------|
| 38. | Quyết định | Số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 | V/v quy định tạm thời phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất và phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất | Thời hạn áp dụng quy định trong văn bản đã hết | 31/12/2015 |
| 39. | Quyết định | Số 54/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 | V/v ủy quyền xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh. | Thời hạn áp dụng quy định trong văn bản đã hết | 31/12/2016 |
| XI. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | | | | | |
| 40. | Quyết định | Số 86/2014/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 | V/v ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh | 15/5/2016 |
| XII. LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI | | | | | |
| 41. | Quyết định | Số 67/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 | Về việc ban hành quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Căn cứ ban hành văn bản là Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW đã hết hiệu lực thi hành | 31/10/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Trích yếu nội dung | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-------------------|
| 42. | Quyết định | Số 56/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 | Về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Căn cứ ban hành văn bản là Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW đã hết hiệu lực thi hành | 31/10/2016 |

XIII. LĨNH VỰC KHÁC

| | | | | | |
|-----|------------|---------------------------------------|--|---|------------|
| 43. | Quyết định | Số 2456/2002/QĐ/UB-VX ngày 14/11/2002 | V/v ban hành Quy chế thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh | Được thay thế bởi Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh | 24/12/2016 |
|-----|------------|---------------------------------------|--|---|------------|

Tổng số: 43 văn bản

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|---|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | | | | | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-------------------|
| 1. | Quyết định | Số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 V/v quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c, khoản 1 Điều 4; - Điểm c, khoản 2 Điều 4; - Phụ lục phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; - Điểm b, khoản 1 Điều 5; - Khoản 1, Điều 6 | Được sửa đổi, thay thế bởi Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 V/v quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 03/6/2016 |
| 2. | Quyết định | Số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 V/v quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân | Điều 3 về phân cấp cho UBND cấp huyện quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn | Được sửa đổi, thay thế bởi Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 V/v quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân | 08/9/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|--|--|---|-------------------|
| 3. | Quyết định | Số 73/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 V/v Quy định chỉ tiêu các nội dung trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Mục 10.1 Tiêu chí thu nhập bình quân đầu người | Được điều chỉnh, bổ sung bởi Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh V/v bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 73/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh về việc Quy định chỉ tiêu các nội dung trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 09/10/2016 |
| II. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG | | | | | |
| 4. | Quyết định | Số 11/2009/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 V/v ban hành Quy chế quản lý và phối hợp hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo | Điều 7 Chương 3 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy chế mua - bán hàng miễn thuế tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Hà Tĩnh | 21/4/2016 |
| III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI | | | | | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---|------------------|--|--|---|-------------------|
| 5. | Quyết định | Số 06/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 V/v quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b, khoản 1 Điều 2; - Khoản 3, Điều 2; - Điểm d, khoản 4 Điều 2; - Điểm a, khoản 1 Điều 3; - Khoản 2, Điều 3; - Khoản 5, Điều 4; - Khoản 2, Điều 5; - Phụ lục kèm theo Quyết định | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 V/v quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 23/9/2016 |
| IV. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH, NGÂN HÀNG | | | | | |
| 6. | Quyết định | Số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 V/v thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a, điểm k, khoản 1 Điều 3; - Điểm g, khoản 3 Điều 3; - Khoản 1, Điều 7; - Điểm b, khoản 4 Điều 8; - Điểm a, khoản 6 Điều 8; - Điều 9 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 V/v thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 17/7/2016 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-------------------------------------|------------------|--|---|--|-------------------|
| 7. | Quyết định | Số 64/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 V/v ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. | Điểm b, khoản 1 Điều 1 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh V/v bổ sung, sửa đổi một số điều của Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 V/v ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. | 23/7/2016 |
| V. LĨNH VỰC TỔ CHỨC - CÁN BỘ | | | | | |
| 8. | Quyết định | Số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 V/v quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố. | - Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 1; - Điều 2; - Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh V/v quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ. | 24/01/2016 |
| 9. | Quyết định | Số 17/2013/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Khoản 8, Điều 10; - Khoản 8, Điều 11 | Không phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 | 31/12/2015 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|---|-------------------|
| 10. | Quyết định | Số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 V/v quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ | Nội dung: “Trưởng ban đại diện Hội người cao tuổi” | Được đình chính bởi Công văn số 7235/UBND-NC ₁ ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh | 30/12/2016 |

VI. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

| | | | | | |
|-----|------------|--|---|---|-----------|
| 11. | Quyết định | Số 53/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 V/v quy định một số chính sách khai thác, sử dụng quỹ đất thuộc Đề án phát triển quỹ đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 - 2020 | Điều 5; Điều 6; Điều 8; Điều 9; Điều 12; Điều 14; khoản 1, Điều 16; Điều 18 | Được sửa đổi bởi Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 V/v quy định một số chính sách khai thác, sử dụng quỹ đất thuộc Đề án phát triển quỹ đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 - 2020 | 13/7/2016 |
|-----|------------|--|---|---|-----------|

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-------------------|
| 12. | Quyết định | Số 63/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 V/v triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khi đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Điểm a, b, c, d khoản 2, Điều 1; - Điểm d, khoản 2 Điều 2; - Khoản 3, khoản 5 Điều 2 | Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi một số Điều của Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 V/v triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khi đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | 21/4/2016 |

VII. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

| | | | | | |
|-----|------------|---|---|--|------------|
| 13. | Quyết định | Số 52/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 V/v ban hành Quy định một số nội dung về định mức, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh. | - Khoản 2, Điều 1; - Gạch đầu dòng thứ 2 Điều 3; - Khoản 1, Điều 3; - Khoản 2, Điều 4; - Khoản 1, Điều 5; - Tiêu chí về khả năng thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tại khoản 5, Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 V/v Quy định một số nội dung về định mức, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh. | 14/02/2016 |
|-----|------------|---|---|--|------------|

VIII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-------------------|
| 14. | Nghị quyết | Số 115/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 V/v thông qua Bảng giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Điểm c, d mục 2.2 khoản 2 Điều 1; - Điểm c, mục 2.4 khoản 2 Điều 1; | Được điều chỉnh bởi Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 15. | Quyết định | Số 72/2014/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 V/v ban hành Quy định về hạn mức diện tích giao đất ở; hạn mức diện tích giao đất chưa sử dụng để sử dụng vào mục đích nông nghiệp; hạn mức công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất có vườn ao; hạn mức công nhận diện tích đất nông nghiệp do tự khai hoang và diện tích tối thiểu của thửa đất ở sau khi tách thửa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Điểm d, khoản 2 Điều 4; - Điều 6. | Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh. | 09/01/2017 |

IX. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-------------------|
| 16. | Nghị quyết | Số 162/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 V/v quy định một số chính sách phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 2, khoản I Điều 1; - Tiêu tiết a, b tiết 1.1 và tiêu tiết a, b, c tiết 1.2 của điểm 1 khoản IV Điều 1; - Tiết 2.1 điểm 2 khoản IV Điều 1; - Đoạn 2 tiết 2.2 điểm 2 khoản IV Điều 1 | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của HĐND tỉnh | 04/10/2016 |

Tổng số: 16 văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LIÊN QUAN ĐẾN PHÍ, LỆ PHÍ HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH
(Kèm theo Quyết định số: 852/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh)

A. HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH TOÀN BỘ

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|---|
| 1. | Nghị quyết | Nghị quyết HĐND tỉnh Khóa XIV Kỳ họp thứ 10 ngày 18/12/2003 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu một số loại phí, lệ phí, tiền xây dựng trường học | <ul style="list-style-type: none">- Vé tham quan Khu di tích Nguyễn Du tại Mục III biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi.- Phí thư viện tại Mục IV biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi.- Phí chợ tại Mục V biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi.- Phí vệ sinh tại Mục VI biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. | <ul style="list-style-type: none">- Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh- Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh- Bị thay thế bởi Nghị quyết số 80/2008/NQ-HĐND ngày 23/7/2008 của HĐND tỉnh- Bị thay thế bởi Nghị quyết số 139/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none">31/7/201231/12/201631/7/200802/01/2011 |

| | | | | |
|--|--|---|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Phí đấu giá tại Mục VII biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Phí qua cầu tại Mục VIII biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Phí đậu xe, trả khách, giao hàng và Phí đậu bến lấy khách tại Mục X biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Phí dự thi, dự tuyển tại Mục XI biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Phí trích sao lục bản đồ đất đai văn bản địa chính tại Mục XII biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, cấp hợp thức hóa quyền sử dụng đất tại Mục XIII biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 15/12/2006 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 15/12/2006 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi quy định lệ phí địa chính tại Nghị quyết số 61/2007/NQ-HĐND ngày 19/7/2007 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 61/2007/NQ-HĐND ngày 19/7/2007 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/12/2006 31/12/2011 31/7/2013 31/12/2006 31/12/2007 31/12/2007 |
|--|--|---|---|---|

| | | | | | |
|----|------------|---|--|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phí danh lam thắng cảnh tại mục III; Phí chợ tại mục V; Phí bến bãi, trông giữ xe ban ngày, ban đêm tại mục X biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi.. - Phí qua đò tại mục IX biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Phí xây dựng tại mục I, phí an ninh trật tự tại mục II biểu mức phí thuộc thẩm quyền địa phương đề nghị bổ sung và sửa đổi. - Tiền xây dựng trường học tại mục II biểu mức thu học phí và tiền xây dựng trường. - Học phí hệ công lập tại mục I biểu mức thu học phí và tiền xây dựng trường. - Học phí ngoài công lập tại mục I biểu mức thu học phí và tiền xây dựng trường. | <ul style="list-style-type: none"> Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Không nằm trong Danh mục phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 80/2008/NQ-HĐND ngày 23/7/2008 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 22/6/2011 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ. | <ul style="list-style-type: none"> 31/8/2014 31/12/2016 31/12/2016 31/7/2008 01/7/2011 01/7/2010 |
| 2. | Nghị quyết | Số 30/2006/NQ-HĐND ngày 24/8/2006 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu một số phí, học phí trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 1 - Khoản 1 Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 22/6/2011 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 01/7/2011 31/12/2011 |

| | | | | | |
|----|------------|---|---|---|---|
| 3. | Nghị quyết | Số 37/2006/NQ-HĐND ngày 15/12/2006 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số phí, lệ phí và bãi bỏ quy định phụ thu sản phẩm Titan | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a, Khoản 1, Điều 1 - Điểm đ, Khoản 1, Điều 1 - Điểm b, Khoản 1, Điều 1 - Điểm c, Khoản 1, Điều 1 - Điểm e, g, Khoản 1, Điều 1 - Điểm d, Khoản 1, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 44/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/7/2012 31/12/2012 31/12/2016 31/7/2013 31/8/2014 31/12/2016 |
| 4. | Nghị quyết | Số 61/2007/NQ-HĐND ngày 19/7/2007 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu, tỷ lệ phần trăm trích để lại cho đơn vị thụ một số loại phí, lệ phí; phân bổ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Mục 1; điểm 2 mục 18 Phụ lục kèm theo - Mục 17 Phụ lục kèm theo - Mục 4 Phụ lục kèm theo - Mục 3, 9, 10, 14, 16, điểm Lệ phí chứng minh nhân dân Mục 13, điểm 1, 3, 4, 5 Mục 18 Phụ lục kèm theo | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/12/2016 31/7/2013 31/12/2011 31/8/2014 |

| | | | | | |
|--|--|--|---|--|------------|
| | | | - Mục 2 Phụ lục kèm theo | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh | 31/7/2015 |
| | | | - Mục 5, 6, 7, 8, 11 và 15 Phụ lục kèm theo | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 44/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của HĐND tỉnh | 31/12/2012 |
| | | | - Mục 20 Phụ lục kèm theo | - Do văn bản dẫn chiếu áp dụng: Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành (bị thay thế bởi Thông tư số 97/2010/TT-BTC) | 20/8/2010 |
| | | | - Mục 21 Phụ lục kèm theo | - Do văn bản dẫn chiếu áp dụng: Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/6/2007 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành (bị thay thế bởi Thông tư số 01/2010/TT-BTC) | 20/02/2010 |
| | | | - Mục 19 Phụ lục kèm theo | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 114/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2009 của HĐND tỉnh | 31/12/2009 |
| | | | - Mức thu Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh tại Mục 12 Phụ lục kèm theo | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 44/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của HĐND tỉnh | 31/12/2012 |
| | | | - Quy định tỷ lệ (%) trích để lại cho đơn vị thu đối với lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại Mục 18 Phụ lục kèm theo | - Bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 67/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh | 31/12/2013 |
| | | | - Quy định tỷ lệ (%) trích để lại cho đơn vị thu đối với lệ phí chứng minh nhân dân tại Mục 13 Phụ lục kèm theo | - Bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 67/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh | 31/12/2013 |

| | | | | | |
|----|------------|--|---|--|------------|
| | | | - Quy định lệ phí hộ khẩu tại Mục 13 Phụ lục kèm theo | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 67/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh | 31/12/2013 |
| 5. | Nghị quyết | Số 114/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2009 về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường về khai thác khoáng sản và tỷ lệ (%) phân chia giữa các cấp ngân sách | - Điều 1 | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh | 31/12/2011 |
| | | | - Điều 2 | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 44/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của HĐND tỉnh | 31/12/2012 |
| 6. | Nghị quyết | Số 139/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 về việc quy định bổ sung, điều chỉnh phí vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh. | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh | | 31/7/2013 |
| 7. | Nghị quyết | Số 44/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh | 31/8/2014 |
| | | | - Khoản 10, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh | 29/12/2014 |
| | | | - Khoản 1, 2, 9, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 8. | Nghị quyết | Số 67/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Khoản 3, 4, 8, 9, 10, 11, 12, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh | 31/8/2014 |
| | | | - Khoản 2, Khoản 5, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh | 26/7/2015 |
| | | | - Khoản 1, khoản 7, Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| | | | - Phí tàu thuyền vào khu neo đậu tránh trú bão trong những ngày bình thường tại Khoản 6, Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |

| | | | | | |
|-----|------------|--|--|--|--|
| 9. | Nghị quyết | Số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |
| 10. | Nghị quyết | Số 113/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |
| 11. | Nghị quyết | Số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |
| 12. | Nghị quyết | Số 156/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 về việc bổ sung, tạm dừng thu một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |
| 13. | Quyết định | Số 66/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ mức thu một số phí, lệ phí, bãi bỏ quy định phụ thu sản phẩm titan trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Phí dự thi tuyển sinh trung học chuyên nghiệp và cao đẳng tại Khoản 4, Điều 1 - Khoản 7, Điều 1 - Khoản 6, Điều 1 - Khoản 5, Điều 1 - Khoản 1, Điều 1 - Khoản 2, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 29/8/2014 29/8/2014 29/8/2014 31/12/2012 18/8/2012 31/12/2016 |

| | | | | | |
|-----|------------|--|--|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3, Điều 1 - Nội dung phí dự thi vào lớp 10, tốt nghiệp THCS, THPT tại Khoản 4, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND ngày 25/7/2007 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 08/8/2013 03/8/2007 |
| 14. | Quyết định | Số 33/2007/QĐ-UBND ngày 25/7/2007 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu, tỷ lệ phần trăm trích để lại cho đơn vị thụ một số loại phí, lệ phí; phân bổ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, Điều 1 - Lệ phí hộ khẩu tại Khoản 13, Điều 1 - Khoản 14, Điều 1 - Khoản 10, Điều 1 - Khoản 9, Điều 1 - Khoản 18, Điều 1 - Khoản 3, Điều 1 - Khoản 16, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 02/9/2015 09/01/2014 29/8/2014 29/8/2014 29/8/2014 31/12/2016 29/8/2014 29/8/2014 |

| | | | | | |
|-----|------------|--|---|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 17, Điều 1 - Khoản 1 Điều 1 về phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất - Nội dung về lệ phí chứng minh nhân dân tại Khoản 13 Điều 1 - Khoản 5, 6, 7, 8, 11, 12, 15 Điều 1 - Khoản 4, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 08/8/2013 31/12/2016 18/8/2012 31/12/2012 31/12/2011 |
| 15. | Quyết định | Số 51/2009/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 về việc bổ sung mức thu và quy định phân chia theo tỷ lệ (%) cho các cấp ngân sách về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; điều chỉnh tỷ lệ (%) số thu phí, lệ phí cho BQL chợ Hà Tĩnh | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 1 - Điều 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/12/2011 31/12/2012 |
| 16. | Quyết định | Số 15/2008/QĐ-UBND ngày 21/5/2008 về việc bãi bỏ, miễn một số phí, lệ phí theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ | <ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí địa chính quy định tại Điều 1 - Các nội dung về phí, lệ phí tại Điều 1 - Quy định về thu tiền xây dựng trường học tại Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ - Được thay thế bởi điểm b, Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 29/8/2014 31/12/2016 15/8/2008 |

| | | | | | |
|-----|------------|--|---|--|------------|
| 17. | Quyết định | Số 28/2010/QĐ-UBND ngày 29/12/2010 về việc quy định bổ sung, điều chỉnh phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị thay thế bởi Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh | | 08/8/2013 |
| 18. | Quyết định | Số 70/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Điểm 1, Điểm 2 Khoản 7 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 8 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 1, khoản 2, điểm 3 khoản 7, khoản 9 Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 19. | Quyết định | Số 71/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại đơn vị thu phí sử dụng đường bộ đối với phương tiện mô tô trên địa bàn | Bị thay thế bởi Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh | | 12/4/2013 |
| 20. | Quyết định | Số 12/2013/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 Quy định chế độ quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh | Bị thay thế bởi Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh | | 07/01/2015 |
| 21. | Quyết định | Số 58/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Khoản 2, Khoản 5 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh | 09/9/2015 |
| | | | - Khoản 3, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |

| | | | | | |
|-----|------------|--|--|--|------------|
| | | | - Khoản 4, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 8, Khoản 10 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 9, Khoản 11 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 12, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 1, 7 Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| | | | - Khoản 6 Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 22. | Quyết định | Số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |
| 23. | Quyết định | Số 39/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh | Không còn nằm trong Danh mục lệ phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | | 31/12/2016 |
| 24. | Quyết định | Số 40/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |
| 25. | Quyết định | Số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | | 31/12/2016 |

| | | | | |
|-----|------------|---|--|------------|
| | | phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | | |
| 26. | Quyết định | Số 42/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 27. | Quyết định | Số 43/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Không còn nằm trong Danh mục lệ phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | 31/12/2016 |
| 28. | Quyết định | Số 44/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 29. | Quyết định | Số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Không còn nằm trong Danh mục lệ phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | 31/12/2016 |
| 30. | Quyết định | Số 46/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 31. | Quyết định | Số 48/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị thay thế bởi Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND tỉnh | 09/4/2017 |
| 32. | Quyết định | Số 49/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Không còn nằm trong Danh mục lệ phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | 31/12/2016 |

| | | | | |
|-----|------------|--|---|------------|
| 33. | Quyết định | Số 50/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 34. | Quyết định | Số 51/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 35. | Quyết định | Số 52/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 36. | Quyết định | Số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 37. | Quyết định | Số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị thay thế bởi Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND tỉnh | 09/4/2017 |
| 38. | Quyết định | Số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm: Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: Không còn nằm trong Danh mục lệ phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | 31/12/2016 |
| 39. | Quyết định | Số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Phí cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: Không còn nằm trong Danh mục phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. | 31/12/2016 |

| | | | | |
|-----|------------|--|--|------------|
| 40. | Quyết định | Số 95/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 41. | Quyết định | Số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 42. | Quyết định | Số 42/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Không còn nằm trong Danh mục phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Dừng thu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ | 31/12/2016 |
| 43. | Quyết định | Số 61/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 Quy định bổ sung khoản 7 điều 1 Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| 44. | Quyết định | Số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 tạm dừng thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |

Tổng số: 44 văn bản

B. HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH MỘT PHẦN

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|--|
| 1. | Nghị quyết | Số 80/2008/NQ-HĐND ngày 23/7/2008 về việc quy định bổ sung, sửa đổi một số loại phí, lệ phí, học phí; giá thu một phần viện phí Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế xã, phường, thị trấn và chính sách huy động, sử dụng các khoản, đóng góp của nhân dân trên địa bàn tỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, Điều 1 - Khoản 2; Điểm 2 Khoản 3, nội dung chợ thị trấn các huyện, chợ nông thôn, các chợ ngoại thành thành phố Hà Tĩnh tại Khoản 5 Điều 1 - Nội dung mức thu phí chợ tại chợ thị xã Hồng Lĩnh được quy định tại Khoản 5 Điều 1 - Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để lại đơn vị thu phí chợ Hà Tĩnh tại Khoản 5, Điều 1 - Điểm 1, Khoản 3, Điều 1 về vé ô tô - Điểm I Khoản 5 Điều 1 về mức thu điểm kinh doanh trong đình các chợ nội thành thành phố Hà Tĩnh - Khoản 6 Điều 1 về viện phí phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế, xã, phường, thị trấn - Học phí hệ công lập tại Khoản 4 Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số §5/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 114/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2009 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 44/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 121/2010/NQ-HĐND ngày 30/7/2010 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/7/2015 31/8/2014 31/7/2013 31/12/2009 31/7/2012 31/12/2012 01/9/2010 01/7/2011 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|--|
| | | | - Học phí ngoài công lập tại Khoản 4 Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ | 01/7/2010 |
| 2. | Nghị quyết | Số 97/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 về việc quy định bổ sung một số loại phí, lệ phí; tỷ lệ điều tiết ngân sách và phụ cấp cho giáo viên mầm non ngoài biên chế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | - Tỷ lệ phần trăm (%) để lại đơn vị thu đối với phí trông giữ xe máy tại Chợ Thị xã Hồng Lĩnh được áp dụng tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 1 - Khoản 3, Điều 1 - Khoản 5, Điều 1 - Khoản 1, 4, 6 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | 31/7/2013 31/8/2014 31/12/2011 31/12/2016 |
| 3. | Nghị quyết | Số 121/2010/NQ-HĐND ngày 30/7/2010 về việc bổ sung, điều chỉnh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, viện phí; phí thu từ vé giữ xe đạp, vé đi thuyền tại Chùa Hương Tích | - Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tại Điều 1 - Điều 3 | - Bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 67/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh | 31/12/2013 31/7/2012 |
| 4. | Nghị quyết | Số 24/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh | Khoản 1, Khoản 3 Điều 1 | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh | 31/8/2014 |
| 5. | Nghị quyết | Số 37/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 về việc quy định bổ sung, điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở | - Điểm 3, Khoản III Điều 1 | - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 142/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh | 31/7/2015 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|--|
| | | khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và một số loại phí áp dụng trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 2, 4 Khoản III Điều 1 - Điểm 1, 2, 3 Khoản II; Điểm 1 Khoản III Điều 1 - Vé xe điện tại Điểm 4 Khoản III Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/8/2014 31/12/2016 31/8/2014 |
| 6. | Nghị quyết | Số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 Về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, Điều 1 - Khoản 1, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 31/8/2014 31/12/2016 |
| 7. | Quyết định | Số 22/2008/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 về việc quy định bổ sung, sửa đổi một số loại phí, lệ phí, học phí; giá thu một phần viện phí Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế xã, phường, thị trấn và chỉnh sách huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Mức thu tỷ lệ phần trăm để lại đơn vị thu phí chợ thị xã Hồng Lĩnh tại mục II điểm 5 điều 1 - Mức thu phí dự thi năng khiếu, trường THCS, cao đẳng tại Khoản 4, Điều 1 - Khoản 5, Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 08/8/2013 29/8/2014 29/8/2014 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phí tham quan chùa Hương tại Khoản 3, Điều 1 - Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để lại đơn vị thu phí chợ Hà Tĩnh tại Khoản 5 Điều 1 - Điểm a, Khoản 1 Điều 1 về vé tàu thuyền; Điểm 1, Khoản 3, Điều 1 về vé ô tô - Điểm I, Khoản 5 Điều 1 về mức thu điểm kinh doanh trong đình các chợ nội thành thành phố Hà Tĩnh - Khoản 2, Điều 1 - Tỷ lệ trích để lại đơn vị thu phí sử dụng cảng cá tại điểm b Khoản 1 Điều 1 - Mức thu phí hàng hóa container qua cảng tại Khoản 1 Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 51/2009/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 29/8/2014 31/12/2009 18/8/2012 31/12/2012 29/8/2014 09/01/2014 09/01/2014 |
| 8. | Quyết định | Số 42/2008/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 về việc quy định bổ sung, điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí; tỷ lệ điều tiết ngân sách trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3, Điều 1 - Tỷ lệ phần trăm (%) để lại đơn vị thu đối với phí trông giữ xe máy tại Chợ Thị xã Hồng Lĩnh được áp dụng tại Điểm 1 Điều 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Bị thay thế bởi Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> 29/8/2014 08/8/2013 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|---|
| | | | - Khoản 1, 4, 6 Điều 1 - Khoản 5, Điều 1 - Khoản 2, Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh | 31/12/2016 31/12/2011 31/12/2011 |
| 9. | Quyết định | Số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh | - Khoản 3, Điều 1 - Khoản 1, Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 29/8/2014 |
| 10. | Quyết định | Số 42/2012/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 về việc quy định bổ sung, điều chỉnh mức thu giá dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; một số loại phí, lệ phí khác áp dụng trên địa bàn tỉnh | - Khoản 2, Điều 1; điểm 3.1, Khoản 3 Điều 1 - Phí tham quan di tích Nguyễn Du tại Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 1 - Điểm 3.3, Khoản 3 Điều 1 - Một số nội dung tại Khoản 1, Điều 1 - Quy định về vé xe điện tại điểm 3.4 tại điểm 3.4 Khoản 3 Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh - Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh - Bị thay thế bởi Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 và Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 của UBND tỉnh - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh | 31/12/2016 29/8/2014 09/9/2015 29/8/2014 13/8/2015 31/8/2014 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành; trích yếu nội dung văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|----------------------------|------------------|---|---|--|-------------------|
| | | | - Quy định về vé trông giữ xe tại điểm 3.4 Khoản 3 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| | | | - Khoản 2 Điều 1 | - Bị thay thế bởi Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh | 29/8/2014 |
| 11. | Quyết định | Số 30/2013/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 Về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh | - Khoản 1 Điều 1 | - Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh | 31/12/2016 |
| Tổng số: 11 văn bản | | | | | |